

Số: 829/QĐ-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành công nghệ thông tin”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định 534/QĐ-TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thục.

Căn cứ Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-ĐHĐĐ ngày 06/3/2020 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản số 733/BB-ĐHĐĐ ngày 07/9/2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Đông Đô về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành công nghệ thông tin”, mã ngành 748.02.01.

Điều 2. Chương trình trên áp dụng cho đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và hệ đào tạo vừa làm vừa học ngành công nghệ thông tin từ khóa tuyển sinh năm 2021 (K26). Các chương trình liên quan trước đây đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Hành chính - Tổng hợp, Đào tạo và Quản lý sinh viên, Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Tài chính - Kế toán, Trưởng Khoa Kỹ thuật và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Lê Ngọc Tông

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO**



DONG DO
UNIVERSITY
Be International

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
MÃ NGÀNH 748.02.01**

Hà Nội, 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

*(Ban hành theo Quyết định số 829 /QĐ- ĐHĐĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin
Mã ngành: 7480201

Trình độ đào tạo: Đại học

Danh hiệu tốt nghiệp: Kỹ sư Công nghệ, ngành Công nghệ Thông tin.

Loại hình đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học

Đơn vị đào tạo: Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Đông Đô

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Đông Đô là đào tạo những cử nhân có: Kiến thức thích ứng với những vị trí công việc phù hợp chuyên ngành CNTT. Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết. Kỹ năng xã hội làm việc trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế. Năng lực khai thác và vận hành hệ thống thuộc lĩnh vực chuyên ngành CNTT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Vận dụng được các kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề trong Công nghệ thông tin.

Kiến thức vững chắc để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực rộng, đồng thời có kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành CNTT

Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp

Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế

Năng lực phát triển, cài đặt và bảo trì các hệ thống, sản phẩm, giải pháp kỹ thuật Công nghệ thông tin trong bối cảnh kinh tế, xã hội và môi trường.

Phẩm chất chính trị, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2.2. Kỹ năng

Thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp được các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác thiết kế chuyên ngành CNTT.

Thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm có qui mô vừa và nhỏ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế.

Tổ chức, thực hiện và quản lý được các công việc trong lĩnh vực ngành CNTT
Có khả năng xây dựng mô hình, áp dụng vào thực tế.

Có kỹ năng về kiểm thử, bảo trì và xây dựng tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống hiệu quả và dễ dùng.

Áp dụng tri thức quản lý dự án để nhận biết, phân tích và giải quyết sáng tạo và hiệu quả những vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực phát triển ngành CNTT

Sử dụng được tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tương đương B1 khung năng lực ngoại ngữ chuẩn Châu Âu) để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

1.2.3. Thái độ

Chấp hành chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường. Có ý chí vươn lên trong học tập. Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường và cộng đồng.

Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học, luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.

Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước.

Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

Có phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn ngành CNTT.

Tôn trọng và thực hiện một cách chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Có ý chí không ngừng học tập phát triển trình độ nguyên môn ngành CNTT.

Có ý thức trách nhiệm với bạn bè, gia đình và xã hội.

1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Năng lực thiết kế, phát triển các hệ thống Công nghệ thông tin theo quy mô hiện đại, đảm bảo chất lượng và giá thành theo mục tiêu đề ra. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Có khả năng quản lý công nghệ thông tin, vận hành bộ máy dự án, đảm bảo về kinh tế công nghệ và vận hành, bảo dưỡng các hệ thống lớn CNTT

Nhận thức về mối liên hệ mật thiết giữa giải pháp Công nghệ thông tin với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong thế giới toàn cầu hóa

Năng lực nhận biết vấn đề và hình thành ý tưởng giải pháp, đề xuất và xây dựng các dự án Công nghệ thông tin.

Năng lực vận hành, bảo trì các hệ thống, sản phẩm, giải pháp kỹ thuật Công nghệ thông tin, quản trị hệ thống

1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong lĩnh vực công nghệ thông tin như sau:

Có thể trở thành các lập trình viên, các nhà quản trị hệ thống, quản trị bảo mật hệ thống Công nghệ thông tin trong bất kỳ doanh nghiệp nào

Có thể làm việc trong các dự án với vai trò là người quản trị dự án CNTT

Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về Công nghệ thông tin tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các Cơ sở đào tạo

Có thể là chuyên viên xử lý nội dung trong các tổ chức, doanh nghiệp.

Chuyên viên phát triển và ứng dụng CNTT trong các tổ chức, doanh nghiệp

Có thể là lập trình viên, Lập trình web, lập trình ứng dụng.

Có thể là chuyên viên quản trị mạng, an ninh hệ thống

Có thể là chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ở trong nước và ngoài nước.

1.2.6 Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp ngành công nghệ thông tin có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thạc sỹ, tiến sỹ công nghệ thông tin.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn để nghiên cứu và phân tích các hệ thống, sản phẩm, giải pháp kỹ thuật Công nghệ thông tin.

Áp dụng kiến thức CNTT để có thể phân tích và thiết kế các hệ thống

Khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật an toàn và bảo mật thông tin

Khả năng áp dụng kiến thức cốt lõi và chuyên sâu của kỹ thuật phần mềm, kết hợp khả năng khai thác sử dụng các phương pháp, công cụ hiện đại để thiết kế và đánh giá các hệ thống, sản phẩm, giải pháp kỹ thuật Công nghệ thông tin.

Khả năng phân tích và giải quyết hiệu quả những vấn đề kỹ thuật trong phát triển hệ thống, khả năng phân tích bài toán thực tế, đề xuất giải pháp và qui trình thực hiện qua các pha: thiết kế, phát triển, cài đặt, kiểm thử và xây dựng tài liệu, phối hợp với các kiến thức quản lý dự án và kinh tế công nghệ.

2.2. Kỹ năng

Lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật chuyên ngành CNTT.

Khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức chuyên ngành CNTT

Tư duy hệ thống và tư duy phê bình

Tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc
Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp
Hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời
Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa CNTT và trong môi trường quốc tế

Kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm (đa ngành)

Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.

Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc, đạt trình độ B1 chuẩn Châu Âu..

Phẩm chất chính trị, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Có trình độ lý luận chính trị theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-An ninh theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Về thái độ

Phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên

Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, cẩn thận, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự giác phát triển sản phẩm sáng tạo v.v...

Phẩm chất đạo đức xã hội: Chấp hành pháp luật, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của

Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp

Hiểu biết các vấn đề thời đại và ý thức học suốt đời

Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

Khiêm tốn học tập vươn lên.

2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm

Có năng lực giao tiếp, thuyết trình, sử dụng hiệu quả các công cụ hiện đại.

Có năng lực sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc.

Có năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống.

3. Thời gian đào tạo: 04 năm (có thể học vượt theo quy định)

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), phân bổ như sau:

Stt	Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
1	Kiến thức giáo dục đại cương	34	0	34
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	6	86
	Kiến thức cơ sở ngành	30	04	34
	Kiến thức ngành và chuyên ngành	46	6	52
3	Thực tập tốt nghiệp và tốt nghiệp	14	0	14
	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	10	0	10
	Tổng	128	6	134

5. Đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của trường Đại học Đông Đô.

5.2. Quy trình đào tạo

Theo Quy chế đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

Có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra theo quy định của trường.

Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. Thang điểm đánh giá: Thang điểm 10, Thang điểm 4, Thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

Stt	Tên học phần		Tổng số tín chỉ	Phân bổ	
				LT	TH
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương			34	24	10
1		Triết học Mác – Lênin	3	3	0

2		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0
3		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6		Pháp luật đại cương	2	2	0
7		Ngôn ngữ Anh 1	4	2	2
8		Ngôn ngữ Anh 2	4	2	2
9		Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	3	2	1
10		Toán cao cấp 1,2	2	1	1
11		Xác suất thống kê	2	1	1
12		Kỹ năng thuyết trình	2	1	1
13		Toán rời rạc	2	1	1
14		Tin học văn phòng	2	1	1
		Giáo dục thể chất			
		Giáo dục An ninh - Quốc phòng			
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			34	14	20
7.2.1 Các học phần cơ sở ngành bắt buộc			30	12	18
15		Nhập môn CNTT & Truyền thông	3	2	1
16		Thiết kế cơ sở dữ liệu	3	1	2
17		Mạng máy tính & Internet	3	2	1
18		Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	1	2
19		Hệ điều hành Window Server	3	1	2
20		Nhập môn công nghệ phần mềm	3	2	2
21		Thiết kế web 1.0 & Website Hos - ting	3	1	2
22		Lập trình cơ sở dữ liệu - Web	3	1	2
23		Thiết kế mạng Intranet & Wireless LAN	3	1	2
24		Phân tích & thiết kế hệ thống thông tin	3	1	2
7.2.2. Chọn 2 trong 4 học phần cơ sở ngành			4	2	2
25		Đạo đức máy tính	2	1	1
26		Nhập môn Internet vạn vật (IoT)	2	1	1

25		Nhập môn Phân tích dữ liệu	2	1	1
26		Đồ họa và hiện thực ảo	2	1	1
7.3 Kiến thức chuyên ngành			52	22	30
7.3.1 Các học phần chuyên ngành bắt buộc			46	20	26
27		Quản trị cơ sở dữ liệu phân tán	3	1	2
28		Lập trình hướng đối tượng Java	3	2	2
29		Hệ điều hành di động Android	3	1	2
30		Phát triển các ứng dụng phân tán	3	1	2
31		BlockChain	2	1	1
32		An toàn bảo mật hệ thống thông tin	3	1	2
33		Ảo hóa máy chủ (Server virtualization)	3	2	2
34		Công nghệ điện toán đám mây và ứng dụng	3	1	2
35		Thương mại điện tử	2	1	1
36		Lập trình các hệ thống nhúng	3	1	2
37		Big Data & NoSQL và ứng dụng	3	1	2
38		Nhập môn trí tuệ nhân tạo	3	2	1
39		Nhập môn đa phương tiện	3	1	2
40		Lập trình Python	3	1	2
41		Phát triển ứng dụng trên thiết bị Mobile	3	1	2
42		LINUX và phần mềm mã nguồn mở	3	2	1
7.3.2. Chọn 3 trong 6 học phần chuyên ngành			6	2	4
43		Web ngữ nghĩa (Semantic Web)	2	1	1
44		Phát triển phần mềm hướng Agent	2	1	1
45		Tính toán di động (Mobile Computing)	2	1	1
43		Cảm biến và ứng dụng	2	1	2
44		Ứng dụng lưu trữ đám mây	2	1	1
45		Lập trình nâng cao Python	2	1	2
3. Thực tập và tốt nghiệp			14	0	14
46		Thực tập tốt nghiệp	4	0	4

47		Khóa luận /Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	10	0	10
		Tổng	134		

8. Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		Triết học Mác – Lênin	3	3	0
2		Ngôn ngữ Anh 1	4	2	2
3		Tin học văn phòng	2	1	1
4		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5		Toán cao cấp 1,2	2	1	1
		Giáo dục thể chất			
		Giáo dục An ninh - Quốc phòng			
		Tổng	13	9	4

HỌC KỲ II

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	2	2	0
2		Ngôn ngữ Anh 2	4	2	2
3		Toán rời rạc	2	1	1
4		Nhập môn CNTT & Truyền thông	3	3	0
5		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6		Xác suất thống kê	2	1	1
7		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
		Tổng	17	13	4

HỌC KY III

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		Pháp luật đại cương	2	2	0
2		Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	3	2	1
3		Thiết kế Cơ sở dữ liệu	3	1	2
4		Mạng máy tính & Internet	3	2	1
5		Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	1	2
6		Hệ điều hành Window Server	3	1	2
7		Chọn 1/6 học phần cơ sở ngành	2	1	1
		Tổng	19	10	9

HỌC KY IV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		Nhập môn công nghệ phần mềm	3	2	1
2		Thiết kế web 1.0 & Website Hosting	3	1	2
3		Lập trình cơ sở dữ liệu - Web	3	1	2
4		Thiết kế mạng Intranet & Wireless LAN	3	1	2
5		Kỹ năng thuyết trình	2	1	1
6		Chọn 1/6 học phần cơ sở ngành	2	1	1
7		Quản trị cơ sở dữ liệu phân tán	3	1	2
		Tổng	19	8	11

HỌC KY V

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		An toàn bảo mật hệ thống thông tin	3	1	2
2		Lập trình hướng đối tượng Java	3	1	2
3		Hệ điều hành di động Android	3	1	2

4		Phát triển ứng dụng trên thiết bị Mobile	3	1	2
5		Chọn 1 trong 6 HP chuyên ngành (7.3.2)	2	1	1
6	104211	Phân tích & thiết kế hệ thống thông tin	3	1	2
		Tổng	17	6	11

HỌC KY VI

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1	104307	Ảo hóa máy chủ (Server virtualization)	3	1	2
2	104308	Công nghệ điện toán đám mây và ứng dụng	3	1	2
3	104309	Thương mại điện tử	2	1	1
4	104310	Lập trình các hệ thống nhúng	3	1	2
5	104311	Big Data & NoSQL và ứng dụng	3	1	2
6		Chọn 1/6 học phần chuyên ngành	2	1	1
		Tổng	16	6	10

HỌC KY VII

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1		Nhập môn trí tuệ nhân tạo	3	2	1
2		Nhập môn đa phương tiện	3	1	2
3		Lập trình Python	3	1	2
4		Phát triển các ứng dụng phân tán	3	1	2
5		Chọn 1/6 học phần chuyên ngành	2	1	1
6		LINUX và phần mềm mã nguồn mở	3	2	1
		Tổng	17	8	9

HỌC KỲ VIII

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Phân bổ tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		Thực tập tốt nghiệp	4		
		Khóa luận /Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	10		
		Tổng	14		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với Ngành Công nghệ thông tin

- Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình ngành CNTT
- Cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy học phần, đảm bảo tính ổn định học phần giảng dạy;
- Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;
- Chuẩn bị đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình đào tạo ngành CNTT
- Chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các học phần kiến thức tiên quyết, học phần bắt buộc, học phần tự chọn và học phần cơ sở ngành, học phần ngành, học phần chuyên ngành CNTT

9.2. Đối với giảng viên

- Phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp với ngành CNTT
- Phải giới thiệu học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng;
- Tổ chức các buổi thảo luận, chú trọng việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận;
- Xác định phương pháp truyền thụ, thuyết trình, giải quyết vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá:

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô.

9.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần phù hợp với tiến độ đào tạo và khả năng theo học của bản thân;
- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo trước khi lên lớp, để tiếp thu bài giảng;
- Phải lên lớp đủ thời gian quy định để nghe giảng;
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, tích cực tham gia học nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận, tọa đàm khoa học (seminar);

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của Nhà trường để phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm: 500.000 VND/01 tín chỉ. Mức tăng không quá 10%/năm./.

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

PGS, TS Lê Ngọc Tông

**PHÒNG ĐT & QLSV
TRƯỞNG PHÒNG**

[Signature]

TS Nguyễn Thái Sơn

**KHOA KT & CN
TRƯỞNG KHOA**

[Signature]

TS Vũ Xuân Xiển

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

[Signature]

PGS, TS Lê Ngọc Tông